BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2021/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2021*

THÔNG TƯ
Ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

Điều 2. Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở được thực hiện theo lộ trình như sau:

1. Từ năm học 2021-2022 đối với lớp 6.

2. Từ năm học 2022-2023 đối với lớp 7.

3. Từ năm học 2023-2024 đối với lớp 8.

4. Từ năm học 2024-2025 đối với lớp 9.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 48/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Bổ túc Trung học cơ sở.

Chương trình Bổ túc Trung học cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 48/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được áp dụng cho đến khi các quy định tại Điều 2 của Thông tư này được thực hiện.

Đối với lớp 6 tuyển sinh trong năm học 2021 - 2022 trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo Chương trình hiện hành cho đến hết năm học 2021 - 2022.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Độ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MỤC LỤC

Trang

PHẦN THỨ NHẤT. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THCS

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

PHẦN THỨ HAI. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC

MÔN NGỮ VĂN

MÔN TOÁN

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

MÔN TIẾNG ANH

MÔN TIN HỌC

MÔN CÔNG NGHỆ

PHẦN THỨ NHẤT
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học cơ sở (THCS) nhằm tạo cơ hội học tập cho các học viên (HV) không có điều kiện theo học chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 để đạt được trình độ giáo dục THCS theo hình thức GDTX, góp phần thực hiện phổ cập giáo dục THCS, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THCS nhằm giúp HV phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển của giáo dục tiểu học, có trình độ cần thiết ở cấp THCS để có thể tham gia vào thị trường lao động, làm tốt hơn công việc đang làm, tìm kiếm việc làm hoặc tiếp tục học nghề và học lên các cấp học cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THCS nhằm cụ thể hóa mục tiêu GDPT 2018, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Chương trình GDTX cấp THCS hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Chương trình GDTX cấp THCS hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ và năng lực tin học.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chủ yếu của HV

Những yêu cầu cần đạt cụ thể về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi được quy định tại phần những vấn đề chung về chương trình GDTX cấp THCS. Các phẩm chất và năng lực đặc thù được quy định tại chương trình môn học.

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của HV

Phẩm chất	**Yêu cầu cần đạt**
Yêu nước	- Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. - Có ý thức tìm hiểu truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương. - Có ý thức bảo vệ các di sản văn hóa, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa tại địa phương.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	- Trân trọng danh dự, sức khoẻ và cuộc sống riêng tư của người khác. - Có thái độ không đồng tình với cái ác, cái xấu; không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi,... - Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác. - Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác. - Có thái độ cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Chăm chỉ	
Ham học	- Luôn có ý thức cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. - Có ý thức học tốt các môn học. - Có ý thức đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết. - Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.
Chăm làm	- Có ý thức tích cực tham gia công việc lao động, sản xuất phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. - Luôn cố gắng đạt kết quả tốt trong lao động ở gia đình và cộng đồng.
Trung thực	- Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. - Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. - Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử. - Có ý thức không lấy của công. - Có ý thức đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.
Trách nhiệm	
Có trách nhiệm với bản thân	- Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ. - Có ý thức tiết kiệm thời gian; sử dụng thời gian hợp lý; bố trí thời gian học tập hợp lý. - Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra.

Có trách nhiệm đối với gia đình	- Quan tâm và thực hiện các công việc của gia đình. - Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình. - Có ý thức tham gia làm việc để giúp đỡ gia đình.
Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	- Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương. - Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hóa và quy định ở nơi công cộng. - Có ý thức tham gia, kết nối Internet và mạng xã hội đúng quy định; không tiếp tay cho kẻ xấu phát tán thông tin ảnh hưởng đến danh dự của tổ chức, cá nhân hoặc ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa, trật tự an toàn xã hội.
Có trách nhiệm với môi trường sống	- Sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên. - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên, xâm hại đến môi trường. - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Có ý thức chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không có những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại vào người khác.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Có những hiểu biết nhất định về quyền, nhu cầu cá nhân; hiểu và biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân	- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi. - Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống; không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy; không cổ vũ hoặc làm những việc xấu. - Biết thực hiện kiên trì kế hoạch học tập, lao động.
Thích ứng với cuộc sống	- Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong cuộc sống. - Có thái độ bình tĩnh trước những thay đổi bất ngờ của hoàn cảnh; kiên trì vượt qua khó khăn để hoàn thành công việc cần thiết đã định.
Định hướng nghề nghiệp	- Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. - Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

	- Nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu; lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau trung học cơ sở.
Tự học, tự hoàn thiện	- Có ý thức tự đặt được mục tiêu học tập để phấn đấu thực hiện. - Tự xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, bằng bản đồ khái niệm, bảng, các từ khóa; ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính. - Có thái độ điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập. - Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân hướng tới các giá trị xã hội.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	- Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. - Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả. - Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề đơn giản của đời sống, khoa học, nghệ thuật, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, ký hiệu, hình ảnh. - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, ký hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản về đời sống, khoa học, nghệ thuật.

	- Có ý thức lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và thái độ của đối tượng giao tiếp.
Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hóa giải các mâu thuẫn	- Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các thành viên trong gia đình và của cộng đồng (họ hàng, bạn bè, hàng xóm,...). - Nhận biết được mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau; có ý thức và thiện chí dàn xếp, xử lý các mâu thuẫn giữa các cá nhân.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; đề xuất giải pháp cải tiến hay thay thế các giải pháp không còn phù hợp; so sánh và bình luận được về các giải pháp đề xuất.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	- Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp. - Biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động. - Đánh giá được sự phù hợp hay không phù hợp của kế hoạch, giải pháp và việc thực hiện kế hoạch, giải pháp.
Tư duy độc lập	Biết đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng, vấn đề; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, chương trình môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;

- Tư duy toán học;

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;

- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực khoa học tự nhiên, năng lực khoa học xã hội.

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kỹ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THCS được thực hiện từ lớp 6 đến lớp 9. HV vào học lớp 6 phải hoàn thành Chương trình Giáo dục Tiểu học hoặc hoàn thành Chương trình Xóa mù chữ .

1. Nội dung giáo dục

- Các môn học bắt buộc gồm 5 môn: Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lý và Khoa học tự nhiên;

- Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tin học, Công nghệ và Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 cấp THCS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Đối với các môn học tự chọn: Giao quyền cho Giám đốc trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) quyết định việc lựa chọn các môn học Ngoại ngữ, Công nghệ, Tin học và Tiếng dân tộc thiểu số trên cơ sở bảo đảm yêu cầu về giáo dục, nguyện vọng của người học và các điều kiện dạy học thực tế của trung tâm.

- Các hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Hoạt động tập thể và nội dung giáo dục địa phương.

Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Thời lượng giáo dục

Thời lượng mỗi năm học ít nhất là 35 tuần. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút. Mỗi tuần có ít nhất 1 tiết hoạt động tập thể để sinh hoạt lớp, sinh hoạt toàn trung tâm hoặc tổ chức các hoạt động tập thể do các trung tâm xây dựng.

Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THCS

Nội dung giáo dục	**Số tiết/năm học**			
	Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
Môn học bắt buộc	**560**	**560**	**560**	**560**
Ngữ văn	140	140	140	140
Toán	140	140	140	140
Giáo dục công dân	35	35	35	35
Lịch sử và Địa lý	105	105	105	105
Khoa học tự nhiên	140	140	140	140
Môn học tự chọn	**280**	**280**	**297**	**297**
Ngoại ngữ	105	105	105	105
Tin học	35	35	35	35
Công nghệ	35	35	52	52

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học			
	Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	**70**	**70**	**70**	**70**
Hoạt động tập thể	35	35	35	35
Giáo dục địa phương	35	35	35	35
Tổng số tiết học/năm học (*tính cả các môn học tự chọn)*	**910**	**910**	**927**	**927**
Số tiết học trung bình/tuần (*tính cả các môn học tự chọn)*	**26**	**26**	**26,5**	**26,5**

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

- Chương trình GDTX cấp THCS thực hiện mục tiêu giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HV thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học và giáo dục công dân. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học.

- Căn cứ mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng lớp học và theo từng môn học, Chương trình GDTX cấp THCS của mỗi môn học bảo đảm trang bị cho HV tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu và đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HV và phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

- Các môn học áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hóa hoạt động của HV, trong đó, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích

HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; ….

- Tùy theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, giáo viên có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THCS, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Phương thức đánh giá

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

Có 2 phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HV, học viên đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HV, việc HV trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

Đánh giá định kỳ được thực hiện ở thời điểm cuối mỗi kỳ học và cuối mỗi năm học do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THCS. Đánh giá định kỳ thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết.

Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kỳ, đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học viên, đánh giá của bạn bè và phụ huynh người học.

Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập học viên…

2.3. Yêu cầu đánh giá

Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong các chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình GDTX cấp THCS; chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của HV trong những tình huống cụ thể. Việc đánh giá thái độ đối với môn học của HV được kết hợp trong việc đánh giá kiến thức và kỹ năng.

Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến kích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Trong Chương trình GDTX cấp THCS, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Những vấn đề chung: là văn bản quy định những vấn đề chung nhất, có tính chất định hướng của Chương trình GDTX cấp THCS, bao gồm: mục tiêu Chương trình GDTX cấp THCS, yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của HV, hệ thống môn học, thời lượng của từng môn học, định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện chương trình.

b) Chương trình môn học: là văn bản xác định về mục tiêu và yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục cốt lõi của môn học ở mỗi lớp đối với tất cả HV, định hướng kế hoạch dạy học môn học ở mỗi lớp, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục của môn học.

c) Môn học bắt buộc: là môn học mà tất cả các HV đều phải học.

d) Môn học tự chọn: là môn học không bắt buộc, HV được lựa chọn theo nguyện vọng cá nhân. Trên cơ sở nguyện vọng của người học, giám đốc các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN - GDTX căn cứ điều kiện dạy học, đội ngũ giáo viên để quyết định tổ chức các môn học tự chọn.

đ) Phẩm chất: là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người.

e) Năng lực: là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

g) Năng lực cốt lõi: là năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất kỳ ai cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả.

h) Yêu cầu cần đạt: là kết quả mà HV cần đạt được về phẩm chất và năng lực sau mỗi lớp học ở từng môn học; trong đó, mỗi lớp học sau đều có những yêu cầu riêng cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các lớp học trước đó.

2. Điều kiện thực hiện Chương trình GDTX cấp THCS

Cơ sở GDTX được giao nhiệm vụ tổ chức dạy Chương trình GDTX cấp THCS phải đảm bảo các điều kiện để đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình như sau:

a) Về đội ngũ giáo viên

- Số lượng và cơ cấu giáo viên (giáo viên cơ hữu và giáo viên hợp đồng thỉnh giảng) bảo đảm để dạy các môn học của Chương trình GDTX cấp THCS (tối thiểu mỗi môn học có ít nhất 01 giáo viên cơ hữu kể các các môn học tự chọn. Riêng môn Toán và môn Ngữ văn có ít nhất từ 2 giáo viên cơ hữu trở lên, môn Lịch sử và Địa lý, môn Khoa học tự nhiên yêu cầu mỗi phân môn có ít nhất 01 giáo viên cơ hữu trở lên);

- 100% giáo viên có trình độ được đào tạo đạt chuẩn hoặc trên chuẩn; được xếp loại đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông cùng cấp học.

- Giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN - GDTX và các quy định hiện hành của pháp luật;

- Giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về dạy học theo Chương trình GDPT 2018 và Chương trình GDTX cấp THCS.

b) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Thiết bị dạy học được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT về danh mục thiết bị tối thiểu của các môn học theo Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học.

- Các địa phương đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất để thực hiện Chương trình GDTX cấp THCS: Bố trí đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng tin học và phòng học ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT;

- Trang bị đầy đủ hạ tầng kỹ thuật và thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm theo quy định của Bộ GDĐT.

- Sách giáo khoa các môn học của Chương trình GDTX cấp THCS được dùng chung với sách giáo khoa phổ thông do các địa phương lựa chọn.

PHẦN THỨ HAI. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC
MÔN NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Ngữ văn giúp HV khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

Góp phần giúp HV phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp HV phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hóa; biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể

Giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành ở tiểu học; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: biết tự hào về lịch sử dân tộc và văn học dân tộc; có ước mơ và khát vọng, có tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

Tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học đã hình thành ở cấp tiểu học với các yêu cầu cần đạt cao hơn. Phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu: phân biệt được các loại văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin; đọc hiểu được cả nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các loại văn bản; viết được đoạn và bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng hoàn chỉnh, mạch lạc, logic, đúng quy trình và có kết hợp các phương thức biểu đạt; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; nghe hiểu với thái độ phù hợp.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được các thể loại truyện, thơ, ký, kịch bản văn học và một số tiểu loại cụ thể; nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, nhận biết và phân tích được tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với mỗi thể loại văn học; nhận biết được giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức, giá trị thẩm mĩ; phân tích được tính hình tượng, nội dung và hình thức của tác phẩm văn học; có thể tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Ngữ văn góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học được quy định tại Phần thứ nhất. Những vấn đề chung của Chương trình GDTX cấp THCS.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Đối với cấp THCS, HV cần đạt được yêu cầu về năng lực đặc thù cụ thể như sau:

a) Năng lực ngôn ngữ

Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung tường minh và hàm ẩn của văn bản.

Nhận biết và bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết so sánh văn bản này với văn bản khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về cuộc sống, làm giàu đời sống tinh thần.

Ở lớp 6 và lớp 7: viết được bài văn tự sự, miêu tả và biểu cảm; bước đầu biết viết bài văn nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Ở lớp 8 và lớp 9: viết được các bài văn tự sự, nghị luận và thuyết minh hoàn chỉnh, theo đúng các bước và có kết hợp các phương thức biểu đạt.

Viết văn bản tự sự tập trung vào yêu cầu kể lại một cách sáng tạo những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; những câu chuyện tưởng tượng có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm; văn bản miêu tả với trọng tâm là tả cảnh sinh hoạt (tả hoạt động); văn bản biểu cảm đối với cảnh vật, con người và thể hiện cảm nhận về tác phẩm văn học; biết làm các câu thơ, bài thơ, chủ yếu để nhận biết đặc điểm một số thể thơ quen thuộc; viết được văn bản nghị luận về những vấn đề cần thể hiện suy nghĩ và chủ kiến cá nhân, đòi hỏi những thao tác lập luận tương đối đơn giản, bằng chứng dễ tìm kiếm; viết được văn bản thuyết minh về những vấn đề gần gũi với đời sống và hiểu biết của học sinh với cấu trúc thông dụng; điền được một số mẫu giấy tờ, soạn được một số văn bản nhật dụng như biên bản ghi nhớ công việc, thư điện tử, văn bản tường trình, quảng cáo và bài phỏng vấn. Viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn văn bản.

Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách mạch lạc câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ những cảm xúc, thái độ, trải nghiệm, ý tưởng của mình đối với những vấn đề được nói đến; thảo luận ý kiến về vấn đề đã đọc, đã nghe; thuyết minh về một đối tượng hay quy trình; biết cách nói thích hợp với mục đích, đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; biết sử dụng hình ảnh, ký hiệu, biểu đồ,... để trình bày vấn đề một cách hiệu quả.

Nghe hiểu với thái độ phù hợp và tóm tắt được nội dung; nhận biết và bước đầu đánh giá được lý lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

b) Năng lực văn học

Nhận biết và phân biệt được các loại văn bản văn học: truyện, thơ, kịch, ký và một số thể loại tiêu biểu cho mỗi loại; phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học; hiểu nội dung tường minh và hàm ẩn của văn bản văn học. Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về tác phẩm văn học và tác động của tác phẩm đối với bản thân; bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

Ở lớp 6 và lớp 7: nhận biết được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa của văn bản đã đọc; nhận biết được truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; ký trữ tình và ký tự sự; nhận biết được chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình và giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức của tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của mỗi thể loại văn học (cốt truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật, không gian và thời gian, vần, nhịp, hình ảnh và các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh).

Ở lớp 8 và lớp 9: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết được kịch bản văn học, tiểu thuyết và truyện thơ Nôm, thơ cách luật và thơ tự do, bi kịch và hài kịch; nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, hình tượng văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học (sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, điểm nhìn, xung đột, luật thơ, kết cấu, từ ngữ, mạch cảm xúc trữ tình; các biện pháp tu từ như điệp ngữ, chơi chữ, nói mỉa, nghịch ngữ). Nhận biết một số nét khái quát về lịch sử văn học Việt Nam; hiểu tác động của văn học với đời sống của bản thân.

3. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể từng lớp

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
LỚP 6		
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy 1.2. Từ đa nghĩa và từ đồng âm 1.3. Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng 1.4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng (ví dụ: *bất*, *phi*) và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó (ví dụ: *bất công*, *bất đồng*, *phi nghĩa*, *phi lý*)	**ĐỌC** ĐỌC HIỂU **Văn bản văn học** ***Đọc hiểu nội dung*** - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm. - Nhận biết được chủ đề của văn bản. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.	
2.1. Các thành phần chính của câu: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ 2.2. Trạng ngữ: đặc điểm, chức năng liên kết câu)	***Đọc hiểu hình thức*** - Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2.3. Công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp); dấu ngoặc kép (đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường) 3.1. Biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ: đặc điểm và tác dụng 3.2. Đoạn văn và văn bản: đặc điểm và chức năng 3.3. Lựa chọn từ ngữ và một số cấu trúc câu phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản 3.4. Kiểu văn bản và thể loại - Văn bản tự sự: bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, bài văn kể lại một truyện cổ dân gian - Văn bản miêu tả: bài văn tả cảnh sinh hoạt	- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát. - Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Nhận biết và nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi ký hoặc du ký.	
	Liên hệ, so sánh, kết nối - Nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau cơ bản giữa hai nhân vật trong hai văn bản. - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.	Tập trung giúp HV nhận biết được điểm giống nhau và khác nhau cơ bản giữa hai nhân vật trong hai văn bản.
	Đọc mở rộng - Trong một năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	Hướng dẫn HV lựa chọn những văn bản tiêu biểu, có giá trị

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Văn bản biểu cảm: thơ lục bát; đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc bài thơ lục bát	- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.	, phù hợp với đối tượng và chủ đề cần mở rộng.
- Văn bản nghị luận: ý kiến, lý lẽ, bằng chứng; đoạn/bài trình bày ý kiến về một hiện tượng trong học tập, đời sống - Văn bản thông tin: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng; văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện; biên bản ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận 4.1. Sự phát triển ngôn ngữ: hiện tượng vay mượn từ, từ mượn, sử dụng từ mượn 4.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu	**Văn bản nghị luận** ***Đọc hiểu nội dung*** - Nhận biết được các ý kiến, lý lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.	
	Đọc hiểu hình thức Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.	
	Liên hệ, so sánh, kết nối Rút ra được bài học của bản thân từ vấn đề được nêu ra trong văn bản.	Yêu cầu HV kết nối vấn đề được nêu ra trong văn bản và thực tiễn cuộc sống, học tập của HV.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
KIẾN THỨC VĂN HỌC 1.1. Chi tiết và mối liên hệ giữa các chi tiết trong văn bản văn học 1.2. Đề tài, chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết 2.1. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại 2.2. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba 2.3. Các yếu tố hình thức của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần, nhịp 2.4. Nhan đề, dòng thơ, khổ thơ, vần, nhịp, ngôn từ và tác dụng của các yếu tố đó trong bài thơ 2.5. Yếu tố tự sự, miêu tả trong thơ	***Đọc mở rộng*** Trong một năm học, đọc tối thiểu 6 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	Văn bản thông tin ***Đọc hiểu nội dung*** - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản. - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.	
	Đọc hiểu hình thức - Nhận biết một số dấu hiệu hình thức của văn bản thuyết minh: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản. - Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2.6. Hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi ký hoặc du ký **NGỮ LIỆU** 1.1. Văn bản văn học - Truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại, truyện ngắn - Thơ, thơ lục bát - Hồi ký hoặc du ký 1.2. Văn bản nghị luận - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học 1.3. Văn bản thông tin - Văn bản thuật lại một sự kiện - Biên bản ghi chép - Sơ đồ tóm tắt nội dung 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý	- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian.	
	Liên hệ, so sánh, kết nối - Nhận biết được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...). - Bước đầu chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân.	Hướng dẫn HV bước đầu xác định được mối liên quan giữa những vấn đề đặt ra trong văn bản và suy nghĩ, hành động của bản thân.
	Đọc mở rộng Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 10 văn bản thông tin (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	VIẾT ***Quy trình viết*** Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	Thực hành viết - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. - Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích. - Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát. - Bước đầu biết viết đoạn văn/bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm: nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lý lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. - Bước đầu biết viết đoạn văn/bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện. - Viết được biên bản ghi chép theo mẫu về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận. - Tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc bằng sơ đồ.	Căn cứ năng lực, sở trường của HV để hướng dẫn HV sáng tác thơ lục bát. - Hướng dẫn HV bước đầu làm quen, luyện tập viết đoạn văn thuyết minh. Với những HV có năng lực trình bày tốt hơn, có thể phát triển viết bài văn thuyết minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	NÓI VÀ NGHE ***Nói*** - Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. - Kể được một truyền thuyết hoặc cổ tích đã học. - Bước đầu trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.	- Hướng dẫn HV kể lại theo yêu cầu (trải nghiệm của bản thân/truyện dân gian đã học); HV bước đầu làm quen với việc trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống.
	Nghe Bước đầu tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.	Hướng dẫn HV bước đầu làm quen với việc tóm tắt nội dung trình bày của người khác.
	Nói nghe tương tác - Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề (biết đặt câu hỏi và trả lời).	Hướng dẫn HV biết tham gia thảo luận phục vụ việc học

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
		tập và vận dụng vào những tình huống cụ thể trong cuộc sống.
LỚP 7		
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Thành ngữ và tục ngữ: đặc điểm và chức năng 1.2. Thuật ngữ: đặc điểm và chức năng 1.3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng (ví dụ: *quốc*, *gia*) và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó (ví dụ: *quốc thể*, *gia cảnh*) 1.4. Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh 2.1. Số từ, phó từ: đặc điểm và chức năng	**ĐỌC** ĐỌC HIỂU **Văn bản văn học** ***Đọc hiểu nội dung*** - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.	
	Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2.2. Các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu: mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ 2.3. Công dụng của dấu chấm lửng (phối hợp với dấu phẩy, tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết; thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng; làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm) 3.1. Biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh: đặc điểm và tác dụng 3.2. Liên kết và mạch lạc của văn bản: đặc điểm và chức năng	- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn và truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian. - Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện; qua lời người kể chuyện. - Nhận biết được sự thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Nhận biết được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Bước đầu nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của Tùy bút, tản văn.	- Hướng dẫn HV bước đầu nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của Tùy bút, tản văn.
	Liên hệ, so sánh, kết nối - Bước đầu liên hệ được những trải nghiệm của bản thân với nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.	- Hướng dẫn HV bước đầu liên hệ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
3.3. Kiểu văn bản và thể loại - Văn bản tự sự: bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử - Văn bản biểu cảm: bài văn biểu cảm; thơ bốn chữ, năm chữ; đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn, năm chữ. - Văn bản nghị luận: mối quan hệ giữa ý kiến, lý lẽ, bằng chứng; bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống; bài phân tích một tác phẩm văn học - Văn bản thông tin: Cước chú và tài liệu tham khảo; bài thuyết minh dùng để giải thích một quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động; văn bản tường trình; văn bản tóm tắt với độ dài khác nhau	- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả.	được những trải nghiệm trong cuộc sống với nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
	Đọc mở rộng - Trong một năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	Văn bản nghị luận ***Đọc hiểu nội dung*** - Nhận biết được các ý kiến, lý lẽ, bằng chứng trong văn bản; bước đầu nhận biết mối liên hệ giữa các ý kiến, lý lẽ, bằng chứng. - Xác định được mục đích và nội dung chính của văn bản.	- Tập trung hướng dẫn để HV bước đầu nhận biết mối liên hệ giữa các ý kiến, lý lẽ, bằng chứng trong văn bản.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
4.1. Ngôn ngữ của các vùng miền: hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền 4.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu	***Đọc hiểu hình thức*** Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.	- Tập trung hướng dẫn HV nhận biết đặc điểm của văn bản.
KIẾN THỨC VĂN HỌC 1.1. Giá trị nhận thức của văn học 1.2. Đề tài và chủ đề của văn bản; mối liên hệ giữa chi tiết với chủ đề, cách xác định chủ đề văn bản; thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện qua văn bản	***Liên hệ, so sánh, kết nối*** Bước đầu liên hệ được những trải nghiệm của bản thân với nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.	- Hướng dẫn để HV bước đầu liên hệ được trải nghiệm của bản thân với tác phẩm văn học.
1.3. Văn bản tóm tắt 2.1. Hình thức của tục ngữ 2.2. Đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật của truyện ngụ ngôn và truyện khoa học viễn tưởng	***Đọc mở rộng*** Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 5 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2.3. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba; tác dụng của mỗi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể 2.4. Một số yếu tố hình thức của thơ bốn, năm chữ: số lượng câu, chữ, vần, nhịp 2.5. Chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của Tùy bút, tản văn 3. Những trải nghiệm cuộc sống và việc hiểu văn học **NGỮ LIỆU** 1.1. Văn bản văn học - Ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng - Thơ, thơ bốn chữ, năm chữ - Tùy bút, tản văn - Tục ngữ	**Văn bản thông tin** ***Đọc hiểu nội dung*** - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản. - Nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.	
	Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin. - Bước đầu nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).	- Hướng dẫn để HV nhận biết được đặc điểm văn bản. - Hướng dẫn để HV bước đầu nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản.
	Liên hệ, so sánh, kết nối - Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.	- Hướng dẫn để HV bước đầu liên hệ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1.2. Văn bản nghị luận - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học 1.3. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động - Văn bản tường trình 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý	- Bước đầu liên hệ được những trải nghiệm của bản thân với vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học.	được trải nghiệm của bản thân với vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học.
	Đọc mở rộng Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 10 văn bản thông tin (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	VIẾT ***Quy trình viết*** Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.	
	Thực hành viết - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc). - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ bốn, năm chữ. - Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lý lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. - Bước đầu biết viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách. - Biết tóm tắt một văn bản theo yêu cầu về độ dài khác nhau, đảm bảo được nội dung chính của văn bản.	Căn cứ năng lực, sở trường của từng đối tượng để động viên, khuyến khích HV sáng tác thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
	NÓI VÀ NGHE ***Nói*** - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lý lẽ, bằng chứng thuyết phục.	- Hướng dẫn HV trình bày ý kiến về

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe. Có thái độ phù hợp đối với những câu chuyện vui. - Giải thích được quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.	một vấn đề đời sống. - Căn cứ năng khiếu, sở trường của HV để hướng dẫn HV kể truyện cười.
	Nghe - Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày. ***Nói nghe tương tác*** - Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề.	- Không đặt ra yêu cầu thảo luận đối với "vấn đề gây tranh cãi", chỉ yêu cầu HV "biết thảo luận về một vấn đề" nói chung.
LỚP 8		
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Nghĩa của một số thành ngữ và tục ngữ tương đối thông dụng	**ĐỌC** ĐỌC HIỂU **Văn bản văn học**	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1.2. Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ 1.3. Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng 1.4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng (ví dụ: *vô*, *hữu*) và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó (ví dụ: *vô tư*, *vô hình*, *hữu quan*, *hữu hạn*) 2.1. Trợ từ, thán từ: đặc điểm và chức năng 2.2. Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng 2.3. Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng định và câu phủ định: đặc điểm và chức năng 3.1. Biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng	***Đọc hiểu nội dung*** - Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.	- Tập trung hướng dẫn HV nhận biết, phát hiện nội dung bao quát của văn bản thông qua các yếu tố: các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
	Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học.	- Tập trung hướng dẫn HV đạt bước đầu nhận biết hoặc

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
3.2. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu 3.3. Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng 3.4. Kiểu văn bản và thể loại - Văn bản tự sự: bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội - Văn bản biểu cảm: thơ sáu chữ, bảy chữ; đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu, bảy chữ	- Bước đầu nhận biết được một số yếu tố của truyện cười, truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. - Nhận biết cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. - Nhận biết tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng. - Bước đầu nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết và bước đầu biết phân tích nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc. - Nhận biết một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.	bước đầu phân tích được một số yếu tố thi luật/ nét độc đáo của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường.
- Văn bản nghị luận: luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng; bài thảo luận về một vấn đề của đời sống; bài phân tích một tác phẩm văn học - Văn bản thông tin: thông tin khách quan, ý kiến chủ quan và	***Liên hệ, so sánh, kết nối*** - Nhận biết được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.	- Tập trung hướng dẫn để HV nhận biết được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
mục đích của văn bản; văn bản thuyết minh để giải thích một hiện tượng tự nhiên; bài giới thiệu một cuốn sách; văn bản kiến nghị 4.1. Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị 4.2. Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị 4.3. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.1. Tưởng tượng trong tác phẩm văn học 1.2. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản 1.3. Đề tài và chủ đề, cách xác định chủ đề; kết cấu		học, từ đó nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
	Đọc mở rộng - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 25 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	Văn bản nghị luận ***Đọc hiểu nội dung*** - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lý lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.	- Tập trung hướng dẫn HV nhận biết được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2.1. Cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ trong truyện cười, truyện lịch sử 2.2. Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến		chứng; vai trò của luận điểm, lý lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
2.3. Các thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng 2.4. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối 2.5. Một số yếu tố hình thức của một bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc	***Đọc hiểu hình thức*** Nhận biết lý lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.	- Tập trung hướng dẫn HV nhận biết được lý lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
2.6. Xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng trong kịch bản văn học (hài kịch)	***Liên hệ, so sánh, kết nối*** Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2.7. Một số yếu tố hình thức của thơ tự do (sáu, bảy chữ): số lượng câu, chữ, vần, nhịp 3.1. Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học 3.2. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả **NGỮ LIỆU** 1.1. Văn bản văn học - Truyện cười, truyện ngắn, truyện lịch sử - Thơ trào phúng, thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường; thơ sáu, bảy chữ - Hài kịch 1.2. Văn bản nghị luận - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học	***Đọc mở rộng*** Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 7 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	Văn bản thông tin ***Đọc hiểu nội dung*** - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản. - Phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.	
	Đọc hiểu hình thức - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; nhận biết được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1.3. Văn bản thông tin - Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản giới thiệu một cuốn sách - Văn bản kiến nghị 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý	- Nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.	
	Liên hệ, so sánh, kết nối - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. - Nhận xét được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.	- Tập trung hướng dẫn HV nhận xét được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.
	Đọc mở rộng Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 15 văn bản thông tin (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	VIẾT ***Quy trình viết*** Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.	
	Thực hành viết - Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc; - Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.	- Hướng dẫn HV lựa chọn một số vấn đề/ đề tài phù hợp để viết lại/kể lại/bày tỏ cảm nghĩ: một chuyến đi/một hoạt động xã hội/một bài thơ,... - Căn cứ năng lực, sở trường của từng đối tượng để động viên, khuyến khích HV sáng tác (thơ tự do).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống; nêu được lý lẽ và bằng chứng thuyết phục. - Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. - Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. - Bước đầu viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.	- Hướng dẫn HV thực hành viết bài văn nghị luận, bài văn phân tích một tác phẩm văn học. - Hướng dẫn để HV làm quen viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.
	NÓI VÀ NGHE ***Nói*** - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục (có thể sử dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả trình bày).	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (theo lựa chọn cá nhân): cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.	
	Nghe Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. - Tóm lược được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.	
	Nói nghe tương tác - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.	
LỚP 9		
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn (ví dụ: *đồng* trong *đồng dao*, *đồng âm*, *đồng minh*; *minh* trong *thanh minh*, *minh oan*, *u minh*)	**ĐỌC** ĐỌC HIỂU **Văn bản văn học** ***Đọc hiểu nội dung*** - Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1.2. Điển tích, điển cố (ví dụ: *Ngưu Lang - Chức Nữ*, *Tái ông thất mã*): đặc điểm và tác dụng 1.3. Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...)	- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.	
2.1. Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu (thay đổi trật tự các thành phần trong câu, thêm thành phần phụ,...): đặc điểm và tác dụng 2.2. Lựa chọn câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép 2.3. Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng	***Đọc hiểu hình thức*** - Nhận biết và bước đầu phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học. - Nhận biết và bước đầu phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. - Nhận biết và bước đầu phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kỳ, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện. - Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.	- Hướng dẫn để HV làm quen với việc phân tích các yếu tố hình thức của văn bản văn học.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
3.1. Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng 3.2. Sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp 3.3. Kiểu văn bản và thể loại - Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh - Văn bản biểu cảm: thơ tám chữ; đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ - Văn bản nghị luận: vai trò của luận điểm, lý lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản nghị luận; bài nghị luận nêu vấn đề và giải pháp; bài phân tích một tác phẩm văn học	- Nhận biết và bước đầu phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát. - Nhận biết và bước đầu phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Nhận biết và bước đầu phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.	
	Liên hệ, so sánh, kết nối - Bước đầu nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm của cá nhân do văn bản đã học mang lại. - Bước đầu vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.	- Hướng dẫn để HV làm quen với thao tác liên hệ, so sánh, kết nối khi đọc hiểu nội dung văn bản văn học.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử; quảng cáo, tờ rơi 3.4. Một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn 4.1. Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới 4.2. Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ 4.3. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...	***Đọc mở rộng*** - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 25 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	Văn bản nghị luận ***Đọc hiểu nội dung*** - Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lý lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Biết nhận xét tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản.	
	Đọc hiểu hình thức - Nhận biết lý lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.	- Giúp HV nhận biết được những yếu tố

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
KIẾN THỨC VĂN HỌC 1.1. Nội dung và hình thức văn bản văn học 1.2. Cảm hứng chủ đạo và tư tưởng của tác phẩm		cơ bản của văn bản nghị luận: lý lẽ, dẫn chứng và ý kiến, đánh giá của tác giả trong văn bản.
2.1. Cốt truyện, nhân vật; lời thoại trong truyện thơ Nôm 2.2. Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong truyện truyền kỳ và truyện trinh thám 2.3. Lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện	***Liên hệ, so sánh, kết nối*** - Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.	- Tập trung hướng dẫn để HV biết liên hệ, kết nối, so sánh văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội mà văn bản ra đời và thực tiễn cuộc sống.
2.4. Thơ song thất lục bát: khổ thơ, số chữ, số dòng, vần, nhịp, 2.5. Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại trong kịch bản văn học (bi kịch)	***Đọc mở rộng*** Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 6 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
3. Sơ giản về lịch sử văn học và vai trò của lịch sử văn học trong đọc hiểu văn bản **NGỮ LIỆU** 1.1. Văn bản văn học - Truyện truyền kỳ, truyện trinh thám - Thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm, thơ tám chữ - Bi kịch 1.2. Văn bản nghị luận - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học 1.3. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử - Bài phỏng vấn	**Văn bản thông tin** ***Đọc hiểu nội dung*** - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản. - Phân tích được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản.	- Tập trung hướng dẫn để HV phân tích được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản.
	Đọc hiểu hình thức - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...	
	Liên hệ, so sánh, kết nối - Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý	- Bước đầu liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.	- Tập trung hướng dẫn để HV bước đầu làm quen với việc liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
	Đọc mở rộng Trong một năm học, đọc tối thiểu 15 văn bản thông tin (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.	- Hướng dẫn HV lựa chọn văn bản phù hợp, phục vụ hiệu quả cho việc đọc mở rộng.
	VIẾT ***Quy trình viết*** - Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. - Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.	
	Thực hành viết - Viết được một truyện kể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. - Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. - Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có thể sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.	- Tập trung hướng dẫn HV thực hành, phát triển năng lực viết các loại văn bản (truyện kể mô phỏng, phát biểu cảm nghĩ, nghị luận, thuyết minh,…) - Căn cứ năng lực, sở trường của từng HV cụ thể để khuyến khích, động

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.	viên HV sáng tác văn học (thơ tám chữ).
	NÓI VÀ NGHE ***Nói*** - Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...). - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có thể sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.	
	Nghe - Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; bước đầu chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan.	
	Nói nghe tương tác - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Bước đầu tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.	- Hướng dẫn HV bước đầu làm quen với việc tiến hành một cuộc phỏng vấn ngắn.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Để hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho HV, giáo viên lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với môn Ngữ văn và đối tượng HV; không chỉ thông qua những nội dung dạy học đa dạng, phong phú, giàu tính thẩm mĩ - nhân văn mà còn bằng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra, đánh giá trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản với việc chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của HV.

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Ngữ văn trực tiếp hình thành và phát triển cho HV các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính sau đây:

- Biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như trong văn học; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hóa, các di tích lịch sử; có lý tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

- Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hòa với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hóa; vị tha, độ lượng với người khác.

- Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện.

- Sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

- Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc bản thân đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Môn Ngữ văn có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung của chương trình GDTX cấp THCS. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HV trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự chủ và tự học

Môn Ngữ văn hình thành, phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây là công cụ quan trọng để HV học các môn học khác và tự học. HV biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lý thông tin bằng các hình thức phù hợp.

Thông qua đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Ngữ văn mang lại cho HV những trải nghiệm phong phú; nhờ đó, HV phát triển được vốn sống; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống. Môn Ngữ văn cũng giúp HV có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

Môn Ngữ văn là môn học đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển năng lực giao tiếp cho HV.

Qua môn Ngữ văn, HV biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu văn bản và thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu văn bản và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

Ngoài ra, HV phát triển khả năng nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; biết sống hòa hợp và hóa giải các mâu thuẫn; thiết lập và phát triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Ngữ văn đề cao vai trò của HV với tư cách là người đọc tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Khi viết, HV cần phải bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng một cách sáng tạo. Qua việc học môn Ngữ văn, nhất là đọc và viết về văn học, HV có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc là giúp HV biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách HV. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

- Dạy đọc hiểu văn bản nói chung: Yêu cầu HV đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho HV tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong văn bản; hướng dẫn HV liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân HV,... để hiểu sâu hơn giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hóa những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

- Dạy đọc hiểu văn bản văn học: Văn bản văn học cũng là một loại văn bản, nên dạy đọc hiểu văn bản văn học cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng vì thế giáo viên tổ chức cho HV tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật. HV

cần được hướng dẫn, luyện tập đọc tác phẩm văn học theo quy trình từ tri nhận văn bản ngôn từ đến khám phá thế giới hình tượng nghệ thuật và tìm kiếm, đúc kết nội dung ý nghĩa; kỹ năng tìm kiếm, diễn giải mối quan hệ giữa cái "toàn thể" và chi tiết "bộ phận" của văn bản, phát hiện tính chỉnh thể, tính thống nhất về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức của tác phẩm văn học.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ HV chủ động, tự tin, phát huy vai trò "đồng sáng tạo" trong tiếp nhận tác phẩm; hứng thú tham gia kiến tạo nghĩa cho văn bản; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hóa và triết lý nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hóa thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên chú ý giúp HV tự phát hiện thông điệp, ý nghĩa, góp phần lấp đầy "khoảng trống" của văn bản. Giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của HV; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn HV đọc hiểu văn bản, hình thành kỹ năng đọc.

Tùy vào đối tượng HV ở từng lớp học và thể loại của văn bản văn học, giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, diễn kịch, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật ký đọc sách, tổ chức cho HV thảo luận về văn bản, chuyển thể tác phẩm văn học từ thể loại này sang thể loại khác, vẽ tranh, làm phim, trải nghiệm những tình huống mà nhân vật đã trải qua,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho HV.

b) Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách HV. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Giáo viên tập trung vào yêu cầu hướng dẫn HV các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn HV phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp HV xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn HV viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Ở cấp THCS, giáo viên yêu cầu HV thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,... Ngoài việc tiếp tục phương pháp phân tích mẫu các kiểu văn bản, giáo viên chú ý hướng dẫn kỹ thuật viết tích cực nhằm giúp HV vừa thành thạo kỹ năng tạo lập theo từng kiểu văn bản, vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các văn bản thông thường, HV còn được rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương thức.

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,… để hướng dẫn HV hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho HV thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà HV cần thực hiện; yêu cầu HV làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, HV cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp HV có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách HV.

Trong dạy nói, giáo viên hướng dẫn cho HV quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho HV thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn HV cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn HV biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho HV. Để tạo điều kiện cho mọi HV được thực hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp HV nói cho nhau nghe hoặc HV trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho HV thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của

ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục môn Ngữ văn nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với HV mỗi lớp học đã quy định trong chương trình.

a) Nội dung đánh giá

Trong môn Ngữ văn, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của HV thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá hoạt động đọc: Tập trung vào yêu cầu HV hiểu nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt kiểu văn bản, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh

giá về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong văn bản; liên hệ, so sánh giữa các văn bản và giữa văn bản với đời sống.

Đánh giá hoạt động viết: Tập trung vào yêu cầu HV tạo lập các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

Đánh giá hoạt động nói và nghe: Tập trung vào yêu cầu HV nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kỹ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kỹ năng nghe, yêu cầu HV nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Đánh giá phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong môn Ngữ văn tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của HV khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét,...

b) Cách thức đánh giá

Đánh giá gồm: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có

thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HV, việc HV trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình làm bài kiểm tra, viết phân tích và phản hồi văn học, viết thu hoạch, làm dự án sưu tầm tư liệu, làm bài tập nghiên cứu,...

Đánh giá định kỳ được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kỳ, cuối cấp học) do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục. Đánh giá định kỳ thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong chương trình. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm học, cuối cấp học, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của HV, khắc phục tình trạng HV chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

Nguyên tắc đánh giá: HV được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính HV; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. HV cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

a) Một số thuật ngữ chuyên môn sử dụng trong chương trình

- *Giao tiếp đa phương thức:* hình thức giao tiếp sử dụng nhiều phương tiện khác nhau, không chỉ phương tiện ngôn ngữ mà cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- *Kiểu văn bản:* các dạng văn bản dùng trong viết, được phân chia theo phương thức biểu đạt chính như văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...

- *Loại văn bản (type):* các văn bản có cùng mục đích giao tiếp chủ yếu, bao gồm: văn bản văn học (bộc lộ, giãi bày tình cảm), văn bản nghị luận (thuyết phục), văn bản thông tin (thông báo, giao dịch,...).

- *Loại văn học (genre):* loại hình văn bản văn học, gồm: truyện, thơ, kịch, kí.

- *Năng lực ngôn ngữ:* khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,...) để đọc, viết, nói và nghe.

- *Năng lực văn học:* một biểu hiện của năng lực thẩm mĩ, là khả năng nhận biết, phân tích, tái hiện và sáng tạo các yếu tố thẩm mĩ thông qua hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học.

- *Ngữ liệu*: từ âm, chữ cho đến văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để dạy học.

- *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*: những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu,... góp phần biểu nghĩa trong giao tiếp.

- *Thể loại văn học*: mỗi loại văn bản văn học bao gồm nhiều thể loại như: thần thoại, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết, ca dao, ngâm khúc, bi kịch, hài kịch,...

- *Văn bản biểu cảm*: văn bản chủ yếu dùng để thể hiện tình cảm, cảm xúc.

- *Văn bản đa phương thức:* văn bản có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như ký hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh.

- *Văn bản miêu tả:* văn bản chủ yếu dùng để miêu tả.

- *Văn bản nghị luận:* văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề nào đó.

- *Văn bản nhật dụng:* văn bản chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hàng ngày.

- *Văn bản thông tin:* văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.

- *Văn bản thuyết minh:* văn bản chủ yếu được dùng để giới thiệu một sự vật, hiện tượng.

- *Văn bản tự sự:* văn bản chủ yếu dùng để kể lại một sự việc.

b) Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt

Chương trình môn Ngữ văn sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của HV. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương, sao cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HV.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	đọc thuộc lòng (bài thơ, đoạn văn,...); kể lại (câu chuyện đã đọc, sự việc đã chứng kiến,...); nhận biết (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại; tính toàn vẹn, chỉnh thể của văn bản; lý lẽ, bằng chứng, thông tin; biện pháp tu từ;...)
Hiểu	nhận biết, phân tích (chủ đề, thông điệp; tình cảm, cảm xúc của người viết; cách triển khai ý tưởng;...); hiểu, xác định (đề tài, thông tin, cảm hứng chủ đạo,...); phân tích (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại;...); hiểu (chủ đề, thông tin cơ bản,...); giải thích (tác dụng của biện pháp tu từ,...); tóm tắt (các ý chính của một đoạn, nội dung của văn bản,...); nhận xét, đánh giá (nội dung, hình thức, các biện pháp nghệ thuật, cách lập luận, đề tài, cách chọn lọc và sắp xếp thông tin, thái độ và quan điểm người viết;...)
Vận dụng	vận dụng (kiến thức tiếng Việt, văn học, kinh nghiệm,...); so sánh (nhân vật, văn bản,...); liên hệ (văn bản với bản thân, văn bản với bối cảnh,...); viết (đoạn văn, văn bản,...); thuyết trình, trình bày (vấn đề, ý kiến, bài giới thiệu, báo cáo nghiên cứu,...)

2. Thời lượng thực hiện chương trình

a) Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp: Chương trình môn Ngữ văn thực hiện từ lớp 6 - lớp 9 với thời lượng dành cho mỗi lớp là 140 tiết/năm học; thực hiện trong 35 tuần/năm học; 04 tiết/tuần.

b) Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục được sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các thành phần sau:

- Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng (trọng tâm là rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng).

- Giữa các kiểu, loại văn bản đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho đọc văn bản văn học).

- Giữa các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho việc rèn luyện kỹ năng đọc); cụ thể thời lượng tiết học dành cho các kỹ năng ở từng lớp như sau:

Nhóm lớp	Đọc	Viết	Nói và nghe	Đánh giá định kỳ
Từ lớp 6 đến lớp 9	86	30	15	8

3. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu của môn Ngữ văn thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Ngoài ra, khuyến khích giáo viên và HV tự trang bị thêm các tủ sách tham khảo, có các loại văn bản gồm: văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin; có đủ các hình thức sách truyện, sách truyện tranh. Trong mỗi loại văn bản có đủ các tiểu loại: văn bản văn học gồm truyện, thơ, kịch, kí; văn bản nghị luận gồm nghị luận văn học và nghị luận xã hội; văn bản thông tin gồm văn bản thuyết minh và văn bản nhật dụng. Một số tranh ảnh như chân dung các nhà văn lớn có trong chương trình; tranh ảnh minh họa cho nội dung, nghệ thuật của một số tác phẩm lớn như *Nam quốc sơn hà*, *Hịch tướng sĩ*, *Bình Ngô đại cáo*, *Truyện Kiều*,...

Ngoài ra, với các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX có thể trang bị việc nối mạng Internet, có máy tính, màn hình và máy chiếu (projector); trang bị thêm một số phần mềm dạy học tiếng Việt; các CD, video clip có nội dung

giới thiệu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của đất nước, quê hương của các nhà văn (để dạy và học văn bản thuyết minh); một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học hoặc các CD, video clip ghi một số vở diễn từ các kịch bản văn học; các băng đĩa CD ghi bản nhạc được phổ từ các bài thơ đã chọn làm ngữ liệu dạy học hay một số văn bản đọc mở rộng, các cuộc giao lưu, nói chuyện chuyên đề của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học; các sách giáo khoa Ngữ văn, sách văn học và các tài liệu giáo dục văn học dạng điện tử.

4. Yêu cầu lựa chọn văn bản (ngữ liệu)

Ngoài việc bảo đảm các tiêu chí về nội dung giáo dục, ngữ liệu dạy học, môn Ngữ văn cần bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa văn bản văn học với văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Trong văn bản văn học, chú ý bảo đảm sự cân đối tương đối giữa các thể loại cơ bản (truyện, thơ, kí, kịch), giữa văn học trung đại và văn học hiện đại, giữa văn học dân gian và văn học viết, giữa văn học dân tộc Kinh và văn học dân tộc thiểu số, giữa văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, giữa Đông và Tây. "Sự cân đối" được hiểu là một tỷ lệ thích hợp, chứ không phải có tỷ lệ bằng nhau. Ngữ liệu cho tất cả các lớp đều phải có văn bản truyện và thơ, ký hoặc kịch. Các lớp ở đầu cấp THCS ưu tiên văn học Việt Nam hiện đại và đương đại. Hạn chế hiện tượng một văn bản được sử dụng lặp lại ở nhiều lớp học khác nhau.

b) Bảo đảm sự phù hợp của văn bản với yêu cầu phát triển và thời lượng học tập của chương trình. Độ khó của các văn bản đọc tăng dần qua từng năm học. Thời gian để dạy học một văn bản phải tương thích với độ dài và độ phức tạp của nó để bảo đảm giáo viên có thể giúp HV tiếp cận đầy đủ và sâu sắc văn bản, cho HV có cơ hội đọc trực tiếp và trọn

vẹn những tác phẩm được chọn học. Hạn chế việc dạy học trích đoạn, trừ trường hợp những tác phẩm văn học có dung lượng lớn như tiểu thuyết, hồi kí, sử thi (ví dụ: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du).

c) Bảo đảm kế thừa và phát triển các chương trình môn Ngữ văn. Chương trình dựa vào 9 tác giả và các tác phẩm văn học được học trong chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn và bổ sung một số tác giả, tác phẩm có vị trí quan trọng, tiêu biểu cho thành tựu văn học dân tộc qua các giai đoạn để dạy học trong nhà trường với ba cấp độ: tác phẩm bắt buộc (tác giả sách giáo khoa và giáo viên bắt buộc thực hiện theo quy định của chương trình); tác phẩm bắt buộc lựa chọn (tác giả sách giáo khoa bắt buộc lựa chọn tác phẩm của tác giả có tên trong danh mục quy định của chương trình); tác phẩm gợi ý lựa chọn (tác giả sách giáo khoa tự lựa chọn tác phẩm theo danh mục gợi ý của chương trình). Căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và danh sách các tác phẩm bắt buộc, tác phẩm bắt buộc lựa chọn được quy định, giáo viên và HV được chọn đọc một số văn bản mở rộng phù hợp với yêu cầu của chương trình và lứa tuổi để thảo luận trong nhóm, trong lớp.

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Căn cứ vào chương trình môn Ngữ văn , giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

a) Thực hiện yêu cầu tích hợp nội môn (cả kiến thức và kỹ năng), tích hợp liên môn và tích hợp những nội dung giáo dục ưu tiên (xuyên môn); thực hiện dạy học phân hóa theo đối tượng HV.

b) Rèn luyện cho HV phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các

phương tiện dạy học, khắc phục tình trạng dạy theo kiểu đọc chép, phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện cho HV.

c) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự học của HV; dành nhiều thời gian cho HV nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập để HV biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV.

(Xem tiếp Công báo số 135 + 136)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng